



KHOA HỌC Công Nghệ

Số
03/2018

THÔNG TIN PHỤC VỤ LÃNH ĐẠO & NỘI BỘ

SỞ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp (DN) trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ DN. Qua đó giúp DN ứng dụng KH&CN vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Để hỗ trợ DN đổi mới công nghệ, tạo ra sản phẩm có giá trị cao, Sở KH&CN đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2722/QĐ-UBND về Chương trình KH&CN hỗ trợ DN nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2017 - 2020. Với chính sách mới này, Tiền Giang mong muốn DN có điều kiện tiếp cận với công nghệ, góp phần đưa KH&CN vào sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế. Để cụ thể hóa mục tiêu đó, thời gian qua, Sở KH&CN đã tập trung hỗ trợ DN đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất; xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến; xác lập quyền sở hữu trí tuệ; phát triển thị trường, hình thành DN KH&CN và đã được một số kết quả nổi bật.

Trong đó, Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh đã hỗ trợ cho vay với lãi suất bằng 50% lãi suất tại các ngân hàng thương mại nhằm giúp DN đổi mới công nghệ sản xuất. Đến nay, tổng nguồn vốn của Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh có trên 53 tỷ đồng, đã cho 21 đơn vị vay với nguồn vốn giải ngân gần 51 tỷ đồng. Đối với Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hoan Vinh (xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành), khi mới thành lập, khó khăn lớn nhất mà công ty gặp phải chính là nguồn vốn. Nhờ nguồn vốn vay từ Quỹ Phát triển KH&CN,

công ty đã từng bước vượt qua khó khăn và đi vào sản xuất ổn định. Ông Nguyễn Tấn Thanh, Tổng Giám đốc Công ty Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hoan Vinh cho biết: “Tuy nguồn vốn vay từ Quỹ Phát triển KH&CN không nhiều, nhưng đây là động lực để DN sản xuất. Trong lúc chúng tôi đang khó khăn về nguồn vốn, việc nhận được sự hỗ trợ vốn vay thực sự rất ý nghĩa. Chúng tôi đã sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, mở rộng sản xuất, đầu tư trang thiết bị hiện đại. Thành quả công ty có được ngày hôm nay cũng nhờ một phần giúp đỡ từ các ngành chức năng của tỉnh”.

Có thể nói, một trong những dấu ấn trong việc hỗ trợ DN nâng cao năng lực cạnh tranh chính là việc hỗ trợ các DN thành lập DN KH&CN. Chính điều này đã giúp các DN được ưu tiên hỗ trợ tín dụng từ Quỹ Phát triển KH&CN. Thời gian qua, Sở KH&CN đã đẩy mạnh hướng dẫn các DN thành lập DN KH&CN với nhiều nội dung như: Thường xuyên tiếp xúc với DN tiềm năng để tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc; thực hiện các hoạt động vận động, hỗ trợ DN thành lập DN KH&CN. Đến hết năm 2017, đã có 3 đơn vị được chứng nhận DN KH&CN.

Công ty TNHH MTV Sôcôla Kim My (xã Long Định, huyện Châu Thành) là một trong 3 đơn vị được công nhận DN KH&CN. Nhờ sự giúp đỡ về quy trình thành lập từ Sở KH&CN, công ty đã nhận được chứng nhận DN KH&CN vào tháng 7-2017. Đây là tiền đề giúp công ty tiếp cận được nguồn vốn vay của Quỹ Phát triển KH&CN để đầu tư thiết bị, mở rộng quy mô sản xuất.

Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco đã đạt chứng nhận DN

KH&CN với 2 sản phẩm do đơn vị sản xuất được công nhận là sản phẩm KH&CN. Ông Phạm Quang Bình, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco cho biết, để được công nhận là DN KH&CN, chúng tôi nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ rất nhiều từ Sở KH&CN. Đây là tiền đề giúp chúng tôi đã tiếp cận được nguồn vốn vay 10 tỷ từ Quỹ Phát triển KH&CN để đầu tư các thiết bị, máy móc hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng KH&CN trong sản xuất là mục tiêu mà công ty luôn hướng đến. Việc được công nhận DN KH&CN chính là động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất của công ty. Trong thời gian tới, công ty sẽ đăng ký thêm nhiều sản phẩm nữa để được công nhận sản phẩm KH&CN.

Giám đốc Sở KH&CN, ông Dương Văn Bon cho biết: “Mục tiêu của Chương trình KH&CN hỗ trợ DN nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2017-2020 là giúp DN, đặc biệt là DN vừa và nhỏ tiếp cận KH&CN. Qua đó, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh của DN để nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong thời gian tới, Sở KH&CN sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc hỗ trợ DN, giúp DN ứng dụng KH&CN tiên tiến để nâng cao hiệu quả sản xuất”.

Nguồn: Báo Ấp Bắc

Tạo giống lúa chịu mặn, năng suất cao, phẩm chất tốt, kháng đổ ngã và rầy nâu thích nghi cho tỉnh Tiền Giang

Đất mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long chiếm hơn 740.000 ha, đứng sau đất phù sa và đất phèn, phân bố chủ yếu ở các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh,...

Đối với tỉnh Tiền Giang, huyện Tân

Phú Đông là huyện bị nhiễm mặn đến nửa thời gian trong năm với diện tích đất mặn cao, chiếm hơn 57% so với diện tích đất tự nhiên. Vào mùa khô độ mặn cao người dân chủ yếu là nuôi tôm, còn vào mùa mưa độ mặn giảm người dân canh tác lúa. Các giống lúa được trồng chủ yếu là Nàng Quớt Biển mùa, Hai Bông, OM5451, OM 4900.

Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện mô hình lúa – tôm, một số vấn đề môi trường bắt đầu nảy sinh. Nước mặn có thể xâm nhập vào đất canh tác làm suy thoái đất, ảnh hưởng đến năng suất lúa và gây ra những tổn thất không nhỏ về kinh tế của hộ nông dân trong vùng canh tác lúa – tôm ở Tiền Giang. Nhằm tăng năng suất và sản lượng lúa, cũng như duy trì được môi trường đất canh tác bền vững, đề tài “Tạo giống lúa chịu mặn, năng suất cao, phẩm chất tốt, kháng đổ ngã và rầy nâu thích nghi cho tỉnh Tiền Giang” do Trường Đại học Tiền Giang chủ trì và Tiến sĩ Nguyễn Bích Hà Vũ làm chủ nhiệm đã được thực hiện với mục tiêu nghiên cứu, xử lý đột biến giống lúa Nàng Quớt Biển mùa nhằm chọn được dòng lúa đột biến ngắn ngày, có khả năng chống chịu mặn, năng suất cao, phẩm chất tốt.

Sau thời gian nghiên cứu, thực nghiệm tại các hộ nông dân đang canh tác lúa – tôm trên địa bàn huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, nhóm nghiên cứu đã chọn được hai dòng chống chịu mặn giai đoạn mạ cao, phù hợp cho mô hình canh tác lúa – tôm tỉnh Tiền Giang:

- Dòng TG1 có thời gian sinh trưởng ngắn (95 ngày), hàm lượng protein $\geq 8\%$, hàm lượng amylose thấp $< 18\%$, nhiệt trở hồ cấp 3, hình dạng hạt gạo thuộc dạng thon dài và năng suất từ 4,3 – 4,7 tấn/ha, cá khả năng chống chịu mặn tốt ở giai đoạn mạ với độ mặn 3 – 3,6%, chống đổ ngã và kháng rầy nâu.

- Dòng TG4 có thời gian sinh trưởng ngắn (95 ngày), hàm lượng protein $\geq 8\%$, hàm lượng amylose thấp $< 20\%$, nhiệt trở hồ cấp 3, hình dạng hạt gạo thuộc dạng thon dài và năng suất từ 4,9 – 5,15 tấn/ha, cá khả năng chống chịu mặn tốt ở giai đoạn mạ với độ mặn 3 – 3,6%, chống đổ ngã và kháng rầy nâu.

Đề tài được Hội đồng đánh giá xếp loại B và tiếp tục khảo nghiệm đánh giá khả năng thích nghi của 2 giống/dòng TG1 và TG4 ở các huyện vùng ven biển tỉnh Tiền Giang.

CN. Vũ Phương Thảo

Nghiên cứu chọn lọc, phục tráng, cải tạo giống Cút và hướng chăn nuôi an toàn sinh học

Mặc dù nghề nuôi chim cút phát triển mạnh trong những năm qua, nhưng vấn đề con giống vẫn là nỗi trăn trở chung cho hầu hết các nhà chăn nuôi. Khả năng sản xuất của các dòng cút hiện tại không đồng đều nhau, do đó chưa phát huy hết tiềm năng giống. Có thể thấy rằng vấn đề nghiên cứu giống cút ở Việt Nam chưa được quan tâm nhiều.

Với mong muốn chọn lọc, lai tạo chim cút thông qua các kỹ thuật hiện đại của sinh học phân tử nhằm tạo ra dòng cút bố mẹ khác xa về di truyền, tăng năng suất trứng và khả năng kháng bệnh, đề tài “Nghiên cứu chọn lọc, phục tráng, cải tạo giống Cút và hướng chăn nuôi an toàn sinh học” đã được thực hiện với sự chủ trì của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tiền Giang, do Thạc sĩ Phạm Văn Nghi chủ nhiệm và Thạc sĩ Trần Hoàng Diệp đồng chủ nhiệm đề tài.

Đề tài được thực hiện nhằm hướng tới các mục tiêu sau:

- Khảo sát, đánh giá tình hình chăn nuôi và chất lượng giống chim cút tại Tiền Giang.

- Xác định tính đa dạng di truyền và chỉ thị phân tử liên quan đến năng suất và khả năng kháng bệnh trên chim cút ở Tiền Giang.

- Chọn lọc được các dòng cút có năng suất sinh sản cao và kháng bệnh tốt.

- Xây dựng mô hình chăn nuôi chim cút theo hướng an toàn sinh học.

Sau thời gian nghiên cứu, thực nghiệm, điều tra tại các hộ chăn nuôi cút trên địa bàn Thành phố Mỹ Tho và huyện Châu Thành, nhóm nghiên cứu đã chọn ra được các gen liên kết với tính kháng bệnh và các microsatellite liên kết với tính trạng năng suất. Từ đó, sử dụng phương pháp sinh học phân tử để chọn lọc các cá thể mang gen kháng bệnh và gen quy định năng suất.

Nhìn chung, nghiên cứu đã tạo ra được nhóm giống cút tiềm năng cho việc làm giống với năng suất và khả năng kháng bệnh cao hơn các nhóm giống cút đang nuôi tại các nông hộ. Hai mô hình chăn nuôi an toàn sinh học cũng được triển khai và tổ chức tập huấn cho người nuôi hiểu và thực hành chăn nuôi an toàn sinh học; Hai buổi hội thảo cũng đã được tổ chức để người nông dân tìm hiểu thông tin về quy mô nuôi cút của tỉnh Tiền Giang, các giống cút, đa dạng di truyền và sự cần thiết của chăn nuôi an toàn sinh học trong giai đoạn hiện nay.

Đề tài được Hội đồng đánh giá xếp loại B và giao cho Trung Tâm Giống Nông nghiệp Tiền Giang, Trung tâm Khuyến Nông Tiền Giang chuyển giao các quy trình cho người chăn nuôi cút trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, Trường Đại học Tiền Giang sử dụng kết quả nghiên cứu làm tư liệu để giảng dạy ngành dịch vụ thú y.

CN. Vũ Phương Thảo

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ

Chiều 19/3/2018, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Chu Ngọc Anh lần đầu tiên trả lời chất vấn tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nhóm vấn đề: Hiệu quả ứng dụng kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học trong thực tế; Công tác kiểm soát nhập khẩu công nghệ trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ; Ứng dụng khoa học - công nghệ thúc đẩy tăng năng suất lao động; Ứng dụng công nghệ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng 12 bậc đổi mới sáng tạo toàn cầu

Trao đổi với Báo Đại biểu Nhân dân trước phiên trả lời chất vấn, Bộ trưởng Chu Ngọc Anh chia sẻ cảm nhận sâu sắc sự quan tâm của Quốc hội (QH), Đại biểu Quốc hội (ĐBQH) dành cho ngành khoa học và công nghệ (KH&CN), đặc biệt trong bối cảnh mới, khi KH&CN và đổi mới sáng tạo phải trở thành đòn bẩy cho công cuộc tái cấu trúc kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng để phát triển đất nước nhanh và bền vững. “Kỳ vọng và sự quan tâm đặc biệt của Đảng, QH, Chính phủ, các ĐBQH với ngành cũng là áp lực buộc ngành phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện”, Bộ trưởng Chu Ngọc Anh nhấn mạnh.

Thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nỗ lực tổ chức thực hiện các nhóm giải pháp tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện hoạt động KH&CN. Trong đó, đặc biệt chú trọng vấn đề hiệu quả của hoạt động KH&CN, đẩy mạnh ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn. Năm 2017, xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam đã tăng 12 bậc, từ vị trí 59/128 lên vị trí 47/127 nước và nền kinh tế, dẫn đầu nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp.

Kinh phí ngoài ngân sách liên tục tăng

Theo báo cáo của Bộ KH&CN, trong giai đoạn 2011-2015, tổng chi ngân sách nhà nước cho KH&CN được QH thông qua là 69.592 tỷ đồng, trong đó kinh phí đầu tư phát triển là 30.799 tỷ đồng (chiếm 44%) và kinh phí sự nghiệp là 38.793 tỷ đồng (chiếm 56%). Bố trí ngân sách nhà nước cho KH&CN trong giai đoạn này (tính cả chi KH&CN trong an ninh, quốc phòng) đã cơ bản bảo đảm được quy định của Luật Khoa học và công nghệ (sửa đổi), Nghị quyết của QH, đạt mức 2% tổng chi ngân sách nhà nước (tương đương 0,5%-0,6% GDP).

Tuy nhiên, nếu không tính phần dành cho an ninh, quốc phòng và dự phòng thì chi cho KH&CN chỉ đạt từ 1,36% đến 1,52% tổng chi ngân sách nhà nước. Đến giai đoạn 2016-2018, chi ngân sách nhà nước cho KH&CN được bảo đảm ở mức 2% tổng chi ngân sách nhà nước. Cơ cấu kinh phí đầu tư phát triển/kinh phí sự nghiệp KH&CN tiếp tục được bảo đảm theo tỷ lệ 40/60. Theo Bộ trưởng Chu Ngọc Anh, nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước dành riêng cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ liên tục tăng.

Năm 2016, tổng kinh phí dành cho hoạt động KH&CN đạt 33.905 tỷ đồng, bao gồm ngân sách nhà nước 17.730 tỷ đồng, tổng kinh phí từ doanh nghiệp chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là 16.175 tỷ đồng.

Như vậy, về cơ cấu chi cho KH&CN, ngân sách nhà nước chiếm 52%, nguồn từ doanh nghiệp đã tăng lên 48%. Sự chuyển biến tích cực này có được nhờ doanh nghiệp đã quan tâm nhiều hơn tới KH&CN và sự đầu tư trọng điểm của một số doanh nghiệp lớn như: Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội Viettel, Tập đoàn Dầu khí quốc gia. Đây là dấu hiệu cho thấy hiệu quả trong tăng cường xã hội hóa trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, Bộ trưởng Chu Ngọc Anh đánh giá.

Trên 300 doanh nghiệp được chứng nhận

Theo báo cáo của Bộ KH&CN: Tính đến 31.12.2017, có 640 tổ chức KH&CN là đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực này. Về cơ bản, các tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Nhiều tổ chức đã thực hiện thành công cơ chế tự chủ với doanh thu hàng trăm tỷ đồng mỗi năm và thu nhập của cán bộ gấp nhiều lần lương ngạch bậc. Cả nước có 3.590 tổ chức đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó có 1.629 tổ chức công lập và 1.961 tổ chức ngoài công lập.

Báo cáo cũng cho biết, cả nước hiện có 303 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, 43 tổ chức được cấp giấy chứng nhận hoạt động công nghệ cao. Ngoài ra, có khoảng 2.000 doanh nghiệp đạt điều kiện doanh nghiệp KH&CN trong các lĩnh vực: công nghệ thông tin, sản xuất phần mềm, doanh nghiệp trong các khu

công nghệ cao, doanh nghiệp sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích chưa tiến hành đăng ký để cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

Năm 2016, tổng doanh thu của các doanh nghiệp KH&CN đạt 14.402 tỷ đồng, tăng 16,32% so với năm 2015; tổng lợi nhuận sau thuế đạt 1.290 tỷ đồng, tăng 2,35%, trong đó, 32 doanh nghiệp có doanh thu trên 100 tỷ đồng. Các doanh nghiệp này đã giải quyết được hơn 16.600 việc làm.

Quan tâm đào tạo, thu hút nguồn nhân lực

Theo Bộ trưởng Bộ KH&CN Chu Ngọc Anh: Để triển khai có hiệu quả nhiệm vụ KH&CN, nhân tố con người là quan trọng nhất. Vì “tư lệnh” ngành KH&CN cho rằng, cần gây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học mạnh trong nước và ở nước ngoài, kết hợp đồng thời biện pháp động viên, khuyến khích và đặt yêu cầu trở lại đối với nhà khoa học; đào tạo, trọng dụng người tài kết hợp với đòi hỏi về tính liêm chính và đạo đức trong nghiên cứu. Bên cạnh đó, cần bảo đảm phương tiện và môi trường làm việc thuận lợi cho cán bộ khoa học. Đầu tư có hiệu quả cho hạ tầng KH&CN, trang thiết bị nghiên cứu, phòng thí nghiệm, nguồn lực thông tin và tài chính, kể cả hạ tầng mềm, đó là môi trường học thuật tiên tiến, lành mạnh. “Có con người giỏi và phương tiện hiện đại chưa đủ, chúng ta cần tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH&CN theo hướng dỡ bỏ các rào cản, giải phóng tối đa tiềm năng sáng tạo, nói rộng quyền tự chủ đi đôi với đánh giá công khai, minh bạch kết quả hoạt động nghiên cứu”, Bộ trưởng Chu Ngọc Anh cho biết thêm.

Nguồn: CTTĐT Bộ KH&CN

KHỞI NGHIỆP - ĐỔI MỚI – SÁNG TẠO

Đèn LED công nghệ Nhật hỗ trợ ngư dân Việt Nam

Dự án "Tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả công việc với trang thiết bị đèn LED đặc biệt công nghệ mới (COB) cho tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Trị" mới được Sở KH&CN tỉnh Quảng Trị, Cơ quan Phát triển Tổng hợp Năng lượng mới - Kỹ thuật công nghệ Nhật

Bản (NEDO), Công ty điện tử Stanley Electric Co Ltd (Việt Nam) và Tập đoàn bảo hiểm Mitsubishi UFJ Morgan Stanley (Mỹ – Nhật) phối hợp áp dụng thử nghiệm 4 năm tại Quảng Trị.

Việc sử dụng đèn trong đánh bắt cá đã được ngư dân Việt Nam áp dụng rộng rãi trong thời gian gần đây, phần lớn họ vẫn sử dụng các loại bóng thủy ngân, halogen kim

loại hay đèn LED Trung Quốc giá thành rẻ nhưng lượng dầu tiêu thụ cao và không bền. Vì vậy, dự án này được thực hiện với mục tiêu giúp ngư dân tiết kiệm năng lượng cũng như bảo vệ môi trường biển.

Theo báo cáo kết quả thực hiện dự án trong cuộc họp vào ngày 2/3/2018 tại Bộ KH&CN, 1.800 đèn LED có công suất 1000W của các nhà cung cấp Stanley Electric Co

Ltd (Nhật Bản) đã được lắp đặt trên 40 tàu đánh cá. Sau bốn năm áp dụng, những người thực hiện dự án nhận thấy không chỉ có ưu điểm về ánh sáng so với các loại bóng khác, đèn LED dự án dù có giá cao hơn (khoảng 4 triệu đồng) nhưng đảm bảo được hiệu quả đánh bắt, đồng thời giảm lượng khí thải CO₂, cho thấy tiềm năng bảo vệ môi trường biển của loại đèn này. Ông Sumiya Kisanuki – đại diện của NEDO và ông Bamba – chuyên gia của Stanley Electric Co Ltd và có hơn 20 năm kinh nghiệm về sản xuất đèn chiếu sáng cho xe máy lưu hành trên thị trường Việt Nam, đưa ra một vài thông số: nhờ sử dụng đèn LED được thiết kế trên nền tảng Chip on Board (COB) do NEDO phát triển, các chủ tàu đánh cá đã cắt giảm được tới 70% lượng dầu tiêu thụ cho chiếu sáng, tuổi thọ của bóng lên tới 10.000 giờ trong khi sản lượng cá thu được không đổi.

Tuy nhiên, theo một số cán bộ của Bộ KH&CN, để nêu bật được ưu điểm của đèn LED mới, qua đó thuyết phục được ngư dân tin dùng, NEDO và Stanley cần thực hiện thêm những nghiên cứu và đánh giá chi tiết hơn nữa đối với những ưu thế vượt trội về mặt công nghệ của thế hệ đèn LED đặc chủng này, đồng thời cam kết sẽ chuyển giao công nghệ cho một số đối tác tại Việt Nam để thương mại hóa sản phẩm, không phải trông chờ vào nguồn cung từ Nhật Bản. Ông Lê Đình Hậu, Vụ trưởng Vụ Các ngành nghề kỹ thuật (Bộ KH&CN) cho biết, Bộ KH&CN sẽ hỗ trợ cùng NEDO trong việc phổ biến, giới thiệu công nghệ LED mới này thông qua các hoạt động thường niên như Techfest, Techmart, TechDemo...

Nguồn: Tạp chí Tia Sáng

Trao giải thưởng Kovalevskaia 2017

Hai nhà khoa học nữ là PGS. TS bác sỹ Trần Văn Khánh - trưởng bộ môn Bệnh học phân tử, Khoa Kỹ thuật y học, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Gene – Protein (trường ĐH Y Hà Nội) và PGS.TS Đinh Thị Bích Lân (Viện Công nghệ sinh học, ĐH Huế) đã được trao giải thưởng Kovalevskaia 2017.

Cũng như những năm trước, giải thưởng Kovalevskaia năm nay tập trung vào xét chọn các nhà khoa học nữ có nhiều thành tích nghiên cứu xuất sắc và có nhiều công trình ứng dụng trong các lĩnh vực nghiên cứu có nhiều tác động đến đời sống xã hội như công nghệ sinh học, y học, thú y...

Một trong hai nhà khoa học vinh dự nhận giải thưởng là PGS. TS bác sỹ Trần Văn Khánh. Từng học tập và nghiên cứu tại Nhật Bản, bác sỹ Trần Văn Khánh có nhiều kinh nghiệm về các kỹ thuật di truyền, đột biến gene, tế bào gốc... Đây là cơ sở để khi trở về Việt Nam, chị tiến hành các nghiên cứu về việc sử dụng các kỹ thuật di truyền trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh một số bệnh lý di truyền và người mang gene; chẩn đoán tiền làm tổ một số bệnh lý di truyền; bệnh lý ung thư; tổng hợp protein tái tổ hợp ứng dụng trong dược liệu... Một số trong những công trình nghiên cứu nổi bật của chị là “Nghiên cứu xây dựng quy trình điều trị gene cho bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne” (KC 04.06-11/15), qua đó thiết kế thành công liệu pháp điều trị gene cho căn bệnh này trên mô hình tế bào, cơ sở để có thể ứng dụng điều trị cho người bệnh; “Xây dựng quy trình chẩn đoán trước làm tổ bằng kỹ thuật Microsatellite DNA để sàng lọc một số bệnh lý di truyền liên kết

nhằm sắc thể giới tính (KC 04.17-11-15)” để xây dựng quy trình kỹ thuật công nghệ cao trong hỗ trợ sinh sản, giúp giảm chi phí thực hiện.

Không chỉ có những ứng dụng trong thực tiễn khám chữa bệnh, bác sỹ Trần Văn Khánh còn có 17 công bố trên tạp chí quốc tế.

Người thứ hai được trao giải thưởng là PGS.TS Đinh Thị Bích Lân. Do làm chủ được các công nghệ nền và quy trình công nghệ tạo protein tái tổ hợp, vaccine tái tổ hợp, công nghệ tạo các chủng vi sinh vật tái tổ hợp..., chị đã tập trung vào nghiên cứu các loại kháng nguyên tái tổ hợp của một số mầm bệnh trên vật nuôi; thiết kế các bộ kit chẩn đoán nhanh bệnh truyền nhiễm, vaccine tái tổ hợp phòng bệnh do E.coli gây ra ở lợn; chế tạo các chế phẩm sinh học chứa kháng thể lòng đỏ trứng gà... Nhiều sản phẩm từ các đề tài nghiên cứu của chị đã được chuyển giao ứng dụng tại địa phương.

Đề cập đến những kết quả này, chị cho biết, một trong những mục tiêu mà chị theo đuổi là không chỉ chữa bệnh cho vật nuôi mà còn góp phần tạo ra những sản phẩm an toàn và có chất lượng cho người tiêu dùng và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Giải thưởng Kovalevskaia là một giải thưởng cấp quốc gia uy tín từ năm 1985 dành cho các nhà khoa học nữ xuất sắc trên các lĩnh vực toán, lý, hóa, sinh, y học, nông nghiệp... Từ năm 1985 đến 2016, Giải thưởng được trao cho 18 tập thể và 45 cá nhân nhà khoa học nữ. Đây là giải thưởng có giá trị to lớn nhằm vinh danh cá nhân, tập thể là các nhà khoa học nữ có nghiên cứu mang lợi ích thực tiễn cho cộng đồng.

Nguồn: Tạp chí Tia Sáng